

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30/9/2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 206/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 5, khu phố a, thị trấn P, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Quốc Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp b, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị K bày:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Quốc Th chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn thấy hạnh phúc khi sống cùng nhau, bà và ông Th đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà Nguyễn Thị K xin được ly hôn với ông Phạm Quốc Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là Phạm

Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/4/2011, khi ly hôn bà Nguyễn Thị K xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Quốc Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Phạm Quốc Th vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà K.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Phạm Quốc Th; về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/4/2011 bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại ấp 4, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Quốc Th là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn thấy hạnh phúc khi sống cùng nhau, bà và ông Th đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không

có lý do cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 21/7/2022 đại diện chính quyền địa phương xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và bị đơn ông Phạm Quốc Th đã trầm trọng, không còn chung sống với nhau được nữa. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng ông Th đều vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn và cũng không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện nay, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân với nhau và nguyên đơn không muốn quay về chung sống với bị đơn. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, bản sao sổ hộ khẩu xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung Phạm Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/4/2011. Con chung Phạm Nguyễn Khánh B đã trên 07 tuổi nên nguyên đơn tôn trọng theo nguyện vọng của con. Tại Bản tự khai ngày 29/6/2022 cháu Bống có nguyện vọng được sống cùng bà Kiều, bà Kiều đồng ý nuôi con, nên HĐXX giao con chung Phạm Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/4/2011 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên HĐXX xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đối với bị đơn ông Phạm Quốc Th về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Phạm Quốc Th.
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Khánh B, sinh ngày 07/4/2011 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con.
- Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Phạm Quốc Th. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2021/0008326 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Khoa**